TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN DẦU TIẾNG** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - H phúc**

Bản án số: 04/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17-02-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN DẦU TIẾNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Nguyễn Minh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Thu;

2. Bà Nguyễn Thị Kim Phi.

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Đinh Thị Khuyến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trương Quốc Khanh – Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 489/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Kim H, sinh năm 1994; địa chỉ: Ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh.

2. Bị đơn: Ông Võ Thanh P, sinh năm 1986; địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Theo đơn khởi kiện đề ngày 27/10/2022 quá trình tham gia tố tụng đến tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Kim H trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Bà Nguyễn Kim H và ông Võ Thanh P chung sống với nhau từ năm 2016. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 05/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên

cãi cự lẫn nhau, giữa vợ chồng sống chung không còn tình cảm, không có hạnh phúc. Ông P không lo làm ăn, chăm lo cho gia đình. Hiện nay, bà H thấy rằng tình trạng hôn nhân đã ở mức trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu được ly hôn với ông P.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống bà H và ông P có 02 con chung tên Võ Nguyễn Phương N1, sinh ngày 16/8/2017 và Võ Nguyễn Phương N2, sinh ngày 21/10/2020. Khi ly hôn, bà H yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

***Quá trình tham gia tố tụng đến tại phiên tòa, bị đơn ông Võ Thanh P trình bày*:**

- *Về quan hệ hôn nhân*: Ông P thống nhất ý kiến với bà H về quá trình tìm hiểu nhau và kết hôn. Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật vào ngày 05/10/2016 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai bên bất đồng quan điểm sống, dẫn đến không hiểu nhau, mâu thẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được. Hiện nay, giữa bà H và ông P không có sự quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Ông P thấy rằng mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, vợ chồng chung sống không có hạnh phúc. Vì vậy trước yêu cầu ly hôn của bà H thì ông P đồng ý thuận tình ly hôn.

Tại phiên tòa ông P thay đổi ý kiến xác định còn yêu thương vợ con nên không muốn ly hôn.

- *Về con chung:* Quá trình chung sống bà H và ông P có 02 con chung tên Võ Nguyễn Phương N1, sinh ngày 16/8/2017 và Võ Nguyễn Phương N2, sinh ngày 21/10/2020. Khi ly hôn, ông P đồng ý giao cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Nguyễn Phương N1, sinh ngày 21/10/2020. Ông P yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Nguyễn Phương N2, sinh ngày 16/8/2017. Không bên nào cấp dưỡng nuôi con.

Để chứng minh khả năng nuôi con tại phiên tòa ông P cung cấp giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 929758 và Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 944147.

- *Về tài sản chung, nợ chung:* Không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Dầu Tiếng có ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán, Thư ký đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thu thập chứng cứ, tống đạt các văn bản tố tụng

đầy đủ, đúng trình tự, người tham gia tố tụng đúng thành phần. Phiên tòa được tiến hành đúng trình tự. Không kiến nghị khắc phục, bổ sung về thủ tục tố tụng.

Về nội dung vụ án: Các tài liệu, chứng cứ được Hội đồng xét xử làm rõ tại phiên tòa cho thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi N1ên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định,

[1] Về tố tụng: Quá trình tham gia tố tụng, nguyên đơn, bị đơn có mặt. Nguyên đơn khởi kiện bị đơn về việc ly hôn và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là Võ Nguyễn Phương N1 và Võ Nguyễn Phương N2. Bị đơn là ông Võ Thanh P có nơi cư trú tại ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Dầu Tiếng theo quy định tại các Điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Quan hệ pháp luật của vụ án là "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn dựa trên sự tự nguyện, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn theo luật định tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương, theo giấy đăng ký kết hôn số 121 ngày 05/10/2016. Tại phiên tòa, nguyên đơn và bị đơn đều xác nhận việc từ khi nguyên đơn mang thai 8 tháng cháu Phương N1, thì nguyên đơn và bị đơn đã không còn chung sống cùng nhau. Nguyên đơn sống tại nhà cha mẹ tại ấp S, xã T, huyện B, tỉnh Tây Ninh, bị đơn sống tại ấp L, xã T, huyện D, tỉnh Bình Dương. Theo nguyên đơn, nguyên nhân mâu thuẫn là do bị đơn không chăm lo cho gia đình, không phụ giúp nguyên đơn chăm sóc con để nguyên đơn đi làm. Ngoài ra, bị đơn còn là người ghen tuông vô cớ gây mâu thuẫn trầm trọng, mâu thuẫn kéo dài N2ều năm, đến nay nguyên đơn cảm thấy không còn tình cảm nên yêu cầu được ly hôn.

Quá trình tham gia tố tụng bị đơn đồng ý ly hôn do mâu thuẫn trầm trọng, vợ chồng chung sống không hạnh phúc. Tại phiên tòa bị đơn thay đổi ý kiến xác định còn yêu thương vợ con nên không muốn ly hôn. Lời trình bày của bị đơn không có cơ sở chứng minh. Mặt khác, nguyên đơn và bị đơn đã ly thân từ lâu, nhưng bị đơn không tích cực trong việc tìm cách đưa nguyên đơn cùng các con về chung sống để cùng xây dựng gia đình hạnh phúc. Như vậy, lời trình bày của bị đơn là không có cơ sở. Yêu cầu được ly hôn của nguyên đơn là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn có 02 con chung tên Võ Nguyễn Phương N1, sinh ngày 16/8/2017 và Võ Nguyễn Phương N2, sinh ngày 21/10/2020.

Xét ý kiến của bị đơn về việc được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Nguyễn Phương N1, sinh ngày 16/8/2017 và không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, cháu N1 là nữ, từ khi sinh ra đã sống cùng mẹ, về mặc giới tính, tâm lý thì giao cháu N1 cho nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho cháu N1 được phát triển toàn diện và tránh được sự ảnh hưởng tâm lý từ việc ly hôn của bố mẹ. Yêu cầu của bị đơn là chưa phù hợp nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Nhận thấy, nguyên đơn có thu nhập ổn định (khoảng 9.000.000 đồng/tháng), đồng thời đang sống cùng gia đình nên sẽ nhận được sự hỗ trợ về thời gian chăm sóc con chung. Mặc khác, cháu Phương N2 chưa đủ 36 tháng tuổi, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình thì cháu Phương N2 được giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng. Đối với cháu Phương N1, mặc dù đã trên 36 tháng tuổi, như đã nhận định ở trên để đảm bảo cho cháu N1 phát triển toàn diện về thể chất, tâm lý, tinh thần cần giao cháu N1 cho nguyên đơn trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Yêu cầu của nguyên đơn về việc được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung là có cơ sở chấp nhận. Nguyên đơn không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát về nội dung vụ án, các thủ tục tố tụng, quá trình tiến hành tố tụng cũng như diễn biến tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật nên hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 92, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân;

- Căn cứ vào các Điều 9, 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, tranh chấp về nuôi con của bà Nguyễn Kim H đối với ông Võ Thanh P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Kim H được ly hôn với ông Võ Thanh P.

2. Về con chung: Giao cho bà Nguyễn Kim H được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Võ Nguyễn Phương N1, sinh ngày 16/8/2017 và Võ Nguyễn Phương N2, sinh ngày 21/10/2020. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Kim H về việc không yêu cầu ông Võ Thanh P cấp dưỡng nuôi con.

Hai bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định pháp luật. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con khi có đơn yêu cầu.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không tranh chấp, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

II. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

Án phí ly hôn: Bà Nguyễn Kim H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số AA/2021/0011053 ngày 27 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Dầu Tiếng, tỉnh Bình Dương.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 17/02/2023)./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Dầu Tiếng;
- CC THA DS huyện Dầu Tiếng;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, VT.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Nguyễn Minh Sơn

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị P Dung **Đinh Quang Minh** **Ngô Nguyễn Minh Sơn**